TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31/7/2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Ông Vũ Mạnh Cường**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* **Ông Trần Văn Trung** và **ông Huỳnh Việt Dũng**

- *Thư ký phiên tòa:* **Ông Hà Văn Tuấn** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa:* **Bà Lê Thị Hằng** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 297/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Lê Thị Trúc L**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Số 228, tổ 6, khu phố P, thị trấn D, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Bội N**, sinh năm 1988.

HKTT: Số 228, tổ 6, khu phố P, thị trấn D, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Số 161/4, khu phố P, thị trấn D, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- *Người làm chứng:* Bà **Nguyễn Thị Mỹ H**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số 161/4, khu phố P, thị trấn D, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

(Chị L, anh N và bà H vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+/ Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/4/2023 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Lê Thị Trúc L trình bày:

Chị Lê Thị Trúc L và anh Nguyễn Bội N quen nhau, tìm hiểu khoảng hơn 01 năm thì tiến tới kết hôn, hôn nhân hoàn toàn tự nguyên, không bị ai ép buộc. Được Ủy ban nhân dân xã B, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/12/2010. Đây là hôn nhân lần đầu của chị L.

Sau khi kết hôn vợ chồng về sinh sống tại nhà chồng ở khu phố P, thị trấn D, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và lối sống, dẫn đến thường xuyên cãi vã, anh N không quan tâm đến vợ con, mọi chuyện trong gia đình đều do chị L gánh vác. Ngoài ra anh N còn sử dụng ma túy và nhiều lần đánh đập chị L nhưng không để lại thương tích gì. Sau nhiều lần xảy ra mâu thuẫn khoảng tháng 8 năm 2021 chị L và anh N sống ly thân, anh N về nhà bố mẹ đẻ để ở. Từ đó đến nay vợ chồng không còn liên lạc với nhau, không quan tâm đến nhau, trong khoảng thời gian sống ly thân anh N cũng không quan tâm đến vợ con, không phụ giúp chị L chăm lo cho con, một mình chị L gánh vác tất cả mọi vấn đề trong gia đình. Chị L đã cho anh N nhiều cơ hội để thay đổi tuy nhiên anh N vẫn không thay đổi. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên bảo và hàn gắn nhưng không có kết quả.

Nay chị L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh Nguyễn Bội N.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Yến Nh, sinh ngày 20/02/2008 và cháu Nguyễn Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 22/6/2012. Từ thời gian vợ chồng không còn sống chung với nhau, các con chung ở cùng chị L tại khu phố P, thị trấn D, huyện Thống Nhất. Hiện nay chị L đang làm công nhân, thu nhập trung bình mỗi tháng là 10.000.000đ và có chỗ ở ổn định đủ điều kiện nuôi con. Ngoài ra mẹ chị L cũng phụ chị L nuôi con và đưa đón các cháu đi học. Khi ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nh và cháu N. Chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị L không còn yêu cầu gì khác, ngày 30/6/2023 chị L có đơn xin xét xử vắng mặt.

+/ Trong quá trình giải quyết, bị đơn anh Nguyễn Bội N đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án; được triệu tập hợp lệ để làm việc, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật

nhưng anh N không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+/ Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, cả nguyên đơn, bị đơn đều không đến tham dự phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn không có mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*:

+/ Về quan hệ hôn nhân: Do mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Lê Thị Trúc L và anh Nguyễn Bội N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Lê Thị Trúc L được ly hôn với anh Nguyễn Bội N.

+/ Về con chung: Chị L và anh N có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Yến Nh, sinh ngày 20/02/2008 và cháu Nguyễn Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 22/6/2012. Từ thời gian vợ chồng không còn sống chung với nhau, thì hai con chung do chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giao các con chung cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu.

+/ Về tài sản chung, nợ chung: Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+/ Về án phí: Buộc chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19/7/2023 cho nguyên đơn chị Lê Thị Trúc L và bị đơn anh Nguyễn Bội N. Ngày 30/6/2023 chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt lần 2 không rõ lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị Lê Thị Trúc L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Bội N và yêu cầu được nuôi con chung nên quan hệ pháp luật trong

vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Nguyễn Bội N hiện đang cư trú tại số 161/4, khu phố P, thị trấn D, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về xác định tư cách đương sự: Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định chị Lê Thị Trúc L là nguyên đơn, anh Nguyễn Bội N là bị đơn. Điều 77 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định bà Nguyễn Thị Mỹ H là người làm chứng.

[5] Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, án phí và quyền kháng cáo nên áp dụng các Điều 28, 35, 39, 68, 77, 91, 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, 10, 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[6] Về đường lối giải quyết: Chị Lê Thị Trúc L và anh Nguyễn Bội N khi kết hôn trên cơ sở tự nguyện không vi phạm các điều kiện kết hôn theo luật định, được Ủy ban nhân dân xã B, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/12/2010 (BL 05) theo quy định tại Điều 9, 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo hộ. Trong cuộc sống hôn nhân gia đình, chị L trình bày giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nên vợ chồng không còn sống chung với nhau, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng (BL 28) điều này phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện ở biên bản lấy lời khai của người làm chứng và biên bản xác minh tại chính quyền địa phương (BL 34, 35).

[6.1] Xét quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị L tình trạng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L yêu cầu ly hôn là phù hợp với Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[6.2] Qúa trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến nay Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Nguyễn Bội N để làm việc, lấy lời khai và các quá trình tố tụng khác cũng như tham gia phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng anh N đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành làm việc, lấy lời khai của anh N được. Điều này thể hiện anh N không có thiện chí hòa giải, hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án giải quyết vụ việc theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

[7] Về con chung: Chị L và anh N có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Yến Nh, sinh ngày 20/02/2008 và cháu Nguyễn Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 22/6/2012. Xét yêu cầu của chị L được nuôi dưỡng con chung là có căn cứ, bởi lẽ, từ thời gian vợ chồng không còn sống chung với nhau thì hai con chung do chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L có nơi cư trú và thu nhập ổn định mỗi tháng là 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Ngoài ra, cháu Nguyễn Ngọc Yến Nh và cháu Nguyễn Ngọc Quỳnh N có nguyện vọng được sống với chị L trong trường hợp cha mẹ không còn sống chung với nhau (BL 29, 30). Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu

nuôi dưỡng các con chung là cháu Nguyễn Ngọc Yến Nh, sinh ngày 20/02/2008 và cháu Nguyễn Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 22/6/2012 của chị L.

[8] Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án, ngày 09/6/2023 chị L có đơn xin thay đổi một phần nội dung khởi kiện, cụ thể chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con (BL 36a).

[9] Về tài sản chung: Nguyên đơn trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[10] Về nợ chung, nợ riêng: Nguyên đơn trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[11] Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: Chị L, anh N được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[13] Ý kiến của Kiểm sát viên: Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định trên nên cần ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; 77, khoản 4 Điều 91; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 9, 10, 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí.

[2.] Tuyên xử:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Trúc L về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" với anh Nguyễn Bội N. Xử cho chị Lê Thị Trúc L và anh Nguyễn Bội N ly hôn.

[2.2] Về con chung: Giao các con chung là cháu Nguyễn Ngọc Yến Nh, sinh ngày 20/02/2008 và cháu Nguyễn Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 22/6/2012 cho chị Lê Thị Trúc L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

[2.2.1] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh Nguyễn Bội N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu.

[2.2.2] Khi ly hôn, anh Nguyễn Bội N vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung (quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; quyền thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con …).

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung, nợ riêng: Các đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Lê Thị Trúc L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0009331 ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị L đã nộp đủ án phí.

[4] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

[5] Nguyên đơn, bị đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Thống Nhất;
- CCTHADS H. Thống Nhất;
- UBND xã B, H. Thống Nhất (Giấy CNKH số 177/2010);
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Mạnh Cường